BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ MINH

DẤU ẤN TƯ DUY ĐỒNG DAO TRONG THƠ THIẾU NHI VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 62 22 01 21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI, 2018

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lã Thị Bắc Lý

Phản biện 1*: *PGS. TS. Nguyễn Bá Thành

Phản biện 2*: *PGS. TS. Trần Văn Toàn

Phản biện 3*: *PGS. TS. Nguyễn Thị Huế

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào hồi ..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20....

CÓ THỂ TÌM HIỂU LUẬN ÁN
TẠI THƯ VIỆN: THƯ VIỆN QUỐC GIA, HÀ NỘI
HOẶC THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Văn học thiếu nhi Việt Nam phải đến sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 mới thực sự trở thành một bộ phận có tổ chức ở tầm vĩ mô và dần dần đạt được sự ổn định về định hướng, ngày càng phong phú về nội dung, trong đó thơ là mảng sáng tác quan trọng. Do bản chất hồn nhiên, giàu mộng mơ, tưởng tượng, tâm hồn các em và thơ ca có sự gần gũi tự nhiên. Thơ ca thực sự là món ăn tinh thần, là nguồn dinh dưỡng cho tâm hồn, tính cách trẻ em về nhiều mặt. Chính bởi thế, người sáng tạo văn học không thể không bận tâm đến vấn đề làm thế nào để thơ ca dễ đi vào lòng bạn đọc nhỏ tuổi, nhất là khi cuộc sống luôn luôn vận động. Vậy là cũng như thơ cho người lớn, thơ thiếu nhi buộc người viết phải không ngừng tìm hiểu, nắm bắt thị hiếu công chúng, không ngừng tự đổi mới để thơ có thể hấp dẫn hơn.

1.2. Giới nghiên cứu ở nước ta đã bàn đến thơ thiếu nhi trên một số phương diện khác nhau như cảm hứng, đề tài, ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu… Đặc trưng thể loại, sự tương tác giữa thơ ca với các thể loại văn học khác là một quy luật phổ biến của văn học hiện đại, quy luật bao chứa trong nó cả nỗ lực vượt thoát khuôn thước truyền thống lẫn sự khôn ngoan trở về khai thác các yếu tố có sẵn nơi truyền thống để làm mới nghệ thuật thi ca. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, thơ thiếu nhi Việt Nam mấy thập kỉ qua có sự thâm nhập của nhiều yếu tố, trong đó ảnh hưởng của đồng dao khá sâu đậm. Không chỉ mang đến cho thơ thiếu nhi cảm hứng sáng tạo vô tận, những mô thức đồng dao dân gian được tái cấu trúc còn có ý nghĩa xác lập một quan niệm văn chương mới mẻ, coi trọng tinh thần tự do và vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, rất thích hợp với trẻ em. Tìm hiểu mối quan hệ giữa thơ thiếu nhi với tư duy đồng dao trong những biểu hiện cụ thể sẽ giúp hiểu sâu hơn một quy luật cơ bản của nghệ thuật nói chung, của sáng tác thơ cho thiếu nhi nói riêng. Đó là quy luật giao thoa, phối kết thể loại trên hành trình nỗ lực cách tân của các nhà thơ. Nhìn từ cơ chế sáng tạo, việc xem xét một cách hệ thống dấu ấn của tư duy đồng dao đối với thơ thiếu nhi có thể giúp rút ra những bài học hữu ích cho người làm văn học sử, người nghiên cứu tâm lí học và người làm thơ.

1.3. Cuộc đời con người khởi đầu bằng tuổi thơ. Trẻ em là khởi đầu của nhân cách người lớn trong tương lai. Tâm lí học hiện đại đã chỉ ra, trẻ em không phải "người lớn thu nhỏ" mà chúng là những thực thể sống động, có thế giới riêng biệt, có khả năng tiếp nhận văn học độc lập, sáng tạo. Theo dõi tiến trình

thơ cho thiếu nhi, có thể thấy, bên cạnh những tập thơ, bài thơ có nội dung sâu sắc và giá trị nghệ thuật cao, vẫn còn những bài mang nặng tính giáo huấn khô khan, ít chất thơ, chưa đủ sức hấp dẫn. Để tránh tình trạng thơ bị già nua, cằn cỗi, bằng sự nhạy bén, nhiều cây bút đã nhận ra thế mạnh của đồng dao, dịch chuyển từ "thơ răn dạy trẻ" sang "thơ chơi cùng trẻ". Điều này cho thấy sự vận động trong ý thức sáng tạo thơ thiếu nhi: không nên chỉ quá gò bó bởi tính giáo dục khô cứng mà xem nhẹ tính chất vui chơi, giải trí lành mạnh. Chính vì thế, đưa thơ thiếu nhi hiện đại tìm về kho tàng đồng dao không chỉ là sự trở về với nguồn cội văn học dân tộc mà còn có ý nghĩa như một cách thức khơi dậy tình yêu thơ ca, hứng thú đọc thơ của độc giả nhỏ tuổi, đặc biệt là đối tượng độc giả trong thời đại vi tính hôm nay.

1.4. Là một giảng viên trực tiếp giảng dạy bộ môn *Văn học trẻ em* ở trường Đại học, nghiên cứu đề tài *Dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay* sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công việc chuyên môn của bản thân tác giả luận án. Từ sự phân tích những phương diện biểu hiện cụ thể của dấu ấn tư duy đồng dao đối với thơ thiếu nhi, người viết có thêm cơ hội rèn luyện tư duy biện chứng trong nghiên cứu khoa học, bồi đắp năng lực cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học. Hướng tiếp cận này, do thế sẽ góp phần giúp người giáo viên nâng cao nhãn quan văn học sử, tư duy và lí luận, làm điểm tựa cho các hoạt động nghiệp vụ đạt hiệu quả vững chắc hơn.

2. Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài *Dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay*, chúng tôi nhằm mục đích:

- Tìm hiểu dấu ấn tư duy đồng dao về phương diện nội dung chủ đề và hình thức nghệ thuật.

- Nghiên cứu thơ thiếu nhi trong mối quan hệ với tư duy đồng dao, xem đây như một nỗ lực tìm tòi, đổi mới của người sáng tác để tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm đồng thời hình thành một trong những nét đặc trưng của mảng thơ này.

- Góp phần làm sáng tỏ hơn mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, nhất là văn học viết cho thiếu nhi.

- Góp phần bồi đắp tình yêu thơ ca, nâng cao thị hiếu thẩm mĩ cho bạn đọc nhỏ tuổi.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Chỉ ra những đặc trưng bản chất của thể loại đồng dao và lợi thế của nó trong đời sống văn hóa trẻ thơ.

- Xác lập quan niệm tư duy đồng dao, những đặc điểm cụ thể của tư duy đồng dao.

- Nhận diện và làm rõ dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi trên phương diện kiến tạo bức tranh thế giới.

- Nhận diện và làm rõ dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi trên phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trọng tâm của luận án là những dấu ấn của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Phạm vi nội dung

Với đề tài này, chúng tôi cố gắng đi sâu nghiên cứu những biểu hiện cụ thể của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại ở một số phương diện về nội dung - nghệ thuật như nguyên tắc kiến tạo thế giới, thể thơ, kết cấu, ngôn ngữ… Tuy nhiên, trước khi đi vào nghiên cứu cụ thể, chúng tôi cần giải quyết một số vấn đề liên quan như: xác lập quan niệm về đồng dao/ tư duy đồng dao/ thơ thiếu nhi, đặc điểm cơ bản của tư duy đồng dao/ thơ thiếu nhi, cơ sở hình thành tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi.

4.2.2. Phạm vi tư liệu

- Tư liệu về đồng dao: Ngoài các nghiên cứu về đồng dao, chúng tôi sử dụng cuốn *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt* gồm 567 bài do tập thể tác giả Nguyễn Thúy Loan - Đặng Diệu Trang - Nguyễn Huy Hồng - Trần Hoàng biên soạn, nhà xuất bản Văn hóa thông tin ấn hành năm 1997 làm tư liệu khảo sát chính. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo thêm những bài đồng dao nằm rải rác ở những tài liệu khác.

- Tư liệu về thơ thiếu nhi: Chúng tôi khảo sát qua 63 tập thơ thiếu nhi được xuất bản từ 1945 đến nay. Trong tổng số hơn 1000 bài, chúng tôi ưu tiên chọn lựa 600 bài chịu ảnh hưởng rõ rệt của tư duy đồng dao.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp hệ thống

5.2. Phương pháp loại hình

5.3. Phương pháp so sánh đối chiếu

5.4. Phương pháp liên ngành

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt khoa học

- Dự kiến đề tài nghiên cứu sẽ mở ra một hướng tiếp cận có tính khả thi về thơ ca thiếu nhi nói riêng trong mối quan hệ với văn học dân gian và những thể loại khác.

- Luận án là công trình chuyên biệt đầu tiên nghiên cứu, giới thiệu một cách ngắn gọn và hệ thống về dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại.

- Luận án đã xác lập quan niệm về tư duy đồng dao, chỉ ra và phân tích những biểu hiện cụ thể dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ viết cho thiếu nhi từ 1945 đến nay về phương diện nội dung và phương diện nghệ thuật.

- Luận án khẳng định mối quan hệ bền vững giữa văn học dân gian và văn học viết, mặt khác lí giải, đánh giá hiệu quả tư tưởng thẩm mĩ của sự kế thừa và cách tân vốn văn học truyền thống thông qua khảo sát sáng tác của một số nhà thơ thiếu nhi hiện đại.

- Góp phần làm rõ thành tựu của mảng thơ thiếu nhi đồng thời khẳng định vị trí của nó trong lịch sử phát triển của văn học Việt Nam hiện đại cũng như trong nền văn học dân tộc.

6.2. Về mặt thực tiễn

- Luận án nghiên cứu thơ thiếu nhi trong mối quan hệ với tư duy đồng dao nhằm giúp bạn đọc, đặc biệt là bạn đọc tuổi thơ tiếp xúc với vẻ đẹp của văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại. Qua đó, giáo dục thế hệ trẻ ý thức coi trọng giá trị văn hóa cổ truyền của cha ông.

- Với giới sáng tác văn học, luận án có thể xem như một gợi ý nhỏ góp phần nâng cao chất lượng sáng tác thơ cho thiếu nhi: thơ không phải chỉ có nội dung lành mạnh mà còn cần hình thức thể hiện hấp dẫn, phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

- Luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo có ý nghĩa thiết thực phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và nghiên cứu về văn học thiếu nhi.

7. Bố cục luận án

Ngoài những phần quy định chung (*Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, Tài liệu tham khảo*), luận án được trình bày thành bốn chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Khái lược về tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi

Chương 3: Tư duy đồng dao nhìn từ sự kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi

Chương 4: Tư duy đồng dao nhìn từ sự kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi

Ngoài ra, luận án còn có phần *Phụ lục* thống kê các tác phẩm luận án sử dụng nghiên cứu.

Chương 1
TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư duy đồng dao

1.1.1.1. Những bài viết mang tính chất giới thiệu

Tiêu biểu là các bài: "Trẻ con hát, trẻ con chơi" (1935) của Nguyễn Văn Vĩnh, "Lời mở đầu" tập sách *Ca dao nhi đồng* (1969) của Doãn Quốc Sỹ, phần giới thiệu về "Đồng dao" trong *Thi ca bình dân, tập IV* (1969) của Nguyễn Tấn Long - Phan Canh, "Hát vui chơi" (1971) của Vũ Ngọc Phan, "Đồng dao với cuộc sống dân tộc Thái ở Tây Bắc" (1974) của Tô Ngọc Thanh, "Tính triết lí trong đồng dao Việt Nam" (1983) của Phác Văn, "Vị trí của đồng dao" (1995) của Nghiêm Đa Văn. Các bài viết mới chỉ dừng ở việc ghi lại những cảm nhận có tính chất cá nhân về vẻ đẹp độc đáo của đồng dao Việt Nam, chưa đặt mục đích đi sâu nghiên cứu đặc trưng, bản chất của đồng dao hay cơ chế kiến tạo tư duy đồng dao một cách hệ thống. Tuy nhiên, vấn đề này đã được bước đầu nhận diện thông qua một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ, sự dung hợp yếu tố học và chơi trong cùng một thể loại, đặc biệt là tính chất vui tươi, ngộ nghĩnh như các tác giả đã chỉ ra.

1.1.1.2. Những công trình mang tính chuyên sâu

Tiêu biểu là các công trình, bài viết: "Mấy điều ghi nhận về đồng dao Việt Nam" (1974), "Thi pháp đồng dao" (1993) của Vũ Ngọc Khánh, "Hát ru và hệ thống diễn xướng đồng dao" (1987) của Nguyễn Hữu Thu, "Lời đồng dao trong trò chơi cổ truyền của trẻ em" (1992) của Phan Đăng Nhật, *Đồng dao và ca dao cho trẻ em* (2007) của Nguyễn Nghĩa Dân, *Tìm hiểu về đồng dao người Việt* (2009) của Triều Nguyên, "Đồng dao và trò chơi dân gian với sự phát triển tâm

hồn và trí tuệ trẻ thơ" (2009) của Nguyễn Bích Hà, *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi* (2015) của Chu Thị Hà Thanh. Ngoài ra, một số bộ giáo trình *Văn học dân gian* dùng cho các trường Đại học như: *Văn học dân gian Việt Nam, tập II* (1990) của Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam* (2008) của Nguyễn Bích Hà, *Giáo trình Văn học dân gian* (2012) do Vũ Anh Tuấn chủ biên có dành một phần trong chương nghiên cứu về ca dao để giới thiệu đồng dao.

Những kết quả nghiên cứu đó, đối với chúng tôi, có ý nghĩa như những viên gạch đặt nền móng để từ đó có thể rút ra những đặc trưng thể loại phản ánh nét độc đáo của tư duy đồng dao, làm cơ sở để khảo sát dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi.

1.1.2. Những nghiên cứu về mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi

1.1.2.1. Những nhận định khái quát

Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nói chung đã được bàn đến gián tiếp qua một số công trình, bài viết như: "Thơ viết cho thiếu nhi buổi đầu những năm 60" (1963, Vân Thanh), "Mấy kinh nghiệm riêng về việc làm thơ cho các em" (1968, Tú Mỡ), "Làm thơ cho các em" (1968, Võ Quảng), "Hai mươi lăm năm thơ cho thiếu nhi" (1982, Định Hải), "Thơ cho thiếu nhi" (2000, Định Hải), "Những nét dân gian trong thơ sáng tác cho thiếu nhi"(1983, Thanh Tịnh), "Bài học sáng tác rút ra từ đồng dao" (1983, Vũ Tuấn Anh, "Nhịp điệu trong thơ thiếu nhi" (1983, Bùi Công Hùng), "Bước đầu tìm hiểu đồng dao trong hệ thống nghiên cứu thơ cho nhi đồng" (1988, Lã Thị Bắc Lý), "Từ những bài đồng dao đến thơ cho các em hôm nay" (1989, Trần Hòa Bình), "Ảnh hưởng của đồng dao trong thơ thiếu nhi hiện đại" (2003, Chu Thị Hà Thanh), *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi* (2015, Chu Thị Hà Thanh), *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi* (2007, Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký), *Tìm hiểu về đồng dao người Việt* (2009, Triều Nguyên), "Thơ viết cho thiếu nhi từ sau 1986" (2010, Bùi Thanh Truyền - Trần Thị Quỳnh Nga). Những công trình, bài viết trên đã đưa ra một số nhận xét khái quát về sự có mặt của một số phương diện tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại, ghi nhận đó như là một hướng sáng tạo để tăng sức hấp dẫn cho thơ. Nhìn chung, các tác giả đều

khẳng định nếu nhà thơ có cách nhìn "trẻ" như tác giả dân gian trong đồng dao xưa thì sẽ khám phá được nét hồn nhiên trong cuộc sống trẻ thơ, mang đến cho các em cảm giác chân thật và niềm say mê, thích thú.

1.1.2.2. Những nghiên cứu từ tác phẩm cụ thể

Tiêu biểu là các công trình, bài viết: "Thơ của các em" (1973, Vân Thanh), "Dòng suối thức" (1983, Trần Ninh Hồ), *Hương cốm* (1985, Vũ Ngọc Bình), "Người dẫn dắt tuổi thơ vào cổ tích" (1997, Trần Thị Thắng), "Thế giới nghệ thuật thơ Trần Đăng Khoa thời kỳ niên thiếu" (2003, Trần Đăng Suyền), *Tìm hiểu về đồng dao người Việt* (2009, Triều Nguyên), Bài viết *Phạm Hổ* trong giáo trình *Văn học trẻ em* (2011, Lã Thị Bắc Lý), "Thơ viết cho thiếu nhi của Dương Thuấn - Khúc ca cao nguyên" (2011, Lã Thị Bắc Lý), "Đọc tập thơ *Giấc mơ buổi sáng* của Nguyễn Lãm Thắng" (2012, Nguyễn Văn Hòa), *"Ra vườn nhặt nắng* và giọt sương thơ" (2016, Chu Văn Sơn) . Với các bài viết trên, các tác giả một lần nữa đã chỉ ra một trong những nguyên tắc quan trọng khi sáng tác thơ cho thiếu nhi: sáng tác trên cơ sở tiếp thu tư duy đồng dao để thơ cho các em tràn đầy sự hồn nhiên, trong trẻo.

1.2. Cơ sở lí thuyết của đề tài

1.2.1. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết

Giữa văn học dân gian với văn học viết không chỉ có vấn đề khác biệt và tương đồng mà còn có vấn đề mối quan hệ qua lại. Đây là mối quan hệ vừa có tính tự nhiên vừa có tính qui luật, được chứng minh qua thực tiễn văn học.

Trong giai đoạn đầu mới hình thành, văn học viết thường có xu hướng dựa vào kho tàng văn học dân gian như một lẽ tự nhiên bởi đó là nơi tập hợp đầy đủ nhất những tri thức lịch sử cũng như ngôn ngữ văn học của nhân dân. Trong quá trình phát triển kế tiếp, mối quan hệ này trở nên có ý thức và ngày càng bền chặt hơn. Văn học viết tiếp tục tìm thấy trong kho tàng văn học dân gian những kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật, những kiểu cốt truyện, những hình tượng điển hình, có thể trở thành kiểu mẫu.

Như vậy, văn học dân gian vừa là cội nguồn vừa là nền tảng của văn học thành văn về nhiều phương diện, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn những nghệ sĩ lớn xưa nay. Tuy nhiên, trong quá trình hấp thụ tinh hoa văn học dân gian, các tác giả vừa trung thành với truyền thống nhân dân vừa có ý thức cải biên, sáng tạo vốn liếng kinh nghiệm tập thể để tích cực làm đầy, làm mới các giá trị văn học nghệ thuật, đáp ứng những thách thức có tính lịch sử cụ thể qua mọi thời đại.

Văn học dân gian ảnh hưởng đến văn học viết, ngược lại văn học viết cũng có tác động trở lại văn học dân gian. Nhiều hình tượng trong văn học viết trở thành chất liệu để nghệ sĩ dân gian sử dụng và phóng tác.

Luận án của chúng tôi tập trung nghiên cứu dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay. Quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi thực chất nằm trong quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết. Dựa trên cơ sở này, chúng tôi có điểm tựa để lí giải thuyết phục hơn thành công của các nhà thơ viết cho thiếu nhi theo hướng vừa có sự vận dụng, kế thừa một cách có ý thức các giá trị tinh hoa truyền thống, vừa cách tân một cách tự nhiên, tất yếu trong cá tính sáng tạo nghệ sĩ.

1.2.2. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và tư duy thơ

Nhìn từ góc độ loại hình học, đồng dao (thơ ca dân gian) và thơ hiện đại đều thuộc loại hình thơ. Bởi thế, giữa tư duy đồng dao và tư duy thơ cũng có nhiều điểm chung, gần gũi.

Về tư duy thơ, tác giả Nguyễn Bá Thành có công trình nghiên cứu công phu: *Tư duy thơ và tư duy thơ Việt Nam hiện đại* (1996). Theo Nguyễn Bá Thành, "tư duy thơ là một phương thức biểu hiện của tư duy nghệ thuật nhưng nó mang trong mình một khả năng biểu hiện phong phú nhờ khả năng biểu hiện của ngôn ngữ thơ phong phú và đa dạng" (tr. 58). Trên cơ sở đó, tác giả xác định một số đặc điểm cụ thể của tư duy thơ.

Đối sánh các đặc điểm của tư duy thơ như Nguyễn Bá Thành đã chỉ ra với tư duy đồng dao, ta thấy hai phương thức tư duy này có nhiều điểm song trùng. Tư duy đồng dao và tư duy thơ đều là những phương thức tư duy gắn với thể loại văn học cụ thể. Hiểu theo nghĩa rộng, chúng đều là những dạng thức khác nhau của tư duy nghệ thuật, tư duy hình tượng, dựa trên qui luật tưởng tượng, liên tưởng, có chứa đựng yếu tố ngẫu nhiên, phi lí tính.

Tuy nhiên, đồng dao là loại hình thơ ca dân gian dành riêng cho trẻ em nên bên cạnh những nét tương đồng đó, tư duy đồng dao còn chịu sự chi phối của đặc điểm tâm lí, đặc điểm tiếp nhận văn học của lứa tuổi nhỏ. Thơ thiếu nhi không quá đặt nặng mục đích truyền thông điệp lộ liễu hay khuynh hướng "làm chữ", "chơi thơ". Trong luận án, chúng tôi nhìn nhận tư duy đồng dao như một kiểu tư duy mang đặc điểm riêng kết nối thơ ca dân gian với loại hình thơ thiếu nhi hiện đại. Đặt trong mối quan hệ với tư duy thơ, vấn đề này sẽ được biện giải chắc chắn hơn.

Chương 2
KHÁI LƯỢC VỀ TƯ DUY ĐỒNG DAO VÀ THƠ THIẾU NHI

2.1. Tư duy đồng dao

2.1.1. Quan niệm về đồng dao

Từ các ý kiến bàn luận, có thể khái quát ba xu hướng chính hiểu về đồng dao:

Thứ nhất, theo nghĩa rộng, đồng dao là một phức thể, bao gồm những tác phẩm văn học dân gian của thiếu nhi hoặc được sáng tác cho thiếu nhi chủ yếu thuộc các thể loại: ca dao, vè, ngụ ngôn (thơ), thậm chí có cả những lời sấm kí trong dân gian cũng được thiếu nhi truyền tụng.

Thứ hai, theo nghĩa hẹp, đồng dao là những bài hát dân gian do thiếu nhi sáng tác hoặc do người lớn sáng tác dành cho thiếu nhi. Những bài hát dân gian này thường được thiếu nhi hát trong vui chơi. Như vậy, đồng dao là một bộ phận của ca dao.

Thứ ba, một số quan niệm xác định đồng dao là một thể loại văn học độc lập, có những đặc trưng riêng về nội dung và nghệ thuật.

Trong luận án, chúng tôi thống nhất theo quan niệm thứ nhất, nhìn nhận đồng dao như một phức thể tồn tại trong kho tàng văn học dân gian. *Theo chúng tôi, đồng dao là một tập hợp bao gồm các sáng tác từ một số thể loại khác nhau. Đó là hình thức thơ ca dân gian có nội dung và nghệ thuật phù hợp với trẻ em, thường được trẻ em hát trong lúc vui chơi. Đồng dao có thể do trẻ tự sáng tác hoặc do người lớn sáng tác trên cơ sở cái nhìn, thế giới quan của trẻ.*

2.1.2. Quan niệm về tư duy đồng dao

Tư duy là phạm trù được nói đến nhiều trong triết học và tâm lí học. Các nhà nghiên cứu tâm lí học cho rằng có thể chia tư duy của con người thành ba bình diện khác nhau: tư duy hành động - trực quan, tư duy hình tượng - cảm tính và tư duy khái niệm - logic. Các bình diện tư duy này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, từ đó tạo ra các hình thức tư duy tương ứng là tư duy khoa học, tư duy nghệ thuật và tư duy thực tiễn hàng ngày.

Để chiếm lĩnh đối tượng của mình, trong lĩnh vực văn nghệ hình thành một kiểu tư duy đặc biệt gọi là *tư duy nghệ thuật*. Chúng tôi quan niệm: *Tư duy nghệ thuật là một loại hình tư duy thẩm mĩ của một cộng đồng, một tác gia, được sinh ra trong điều kiện lịch sử cụ thể. Tư duy nghệ thuật bao gồm cả nội dung, phương thức chiếm lĩnh cũng như cách thức thể hiện hiện thực cuộc sống. Có thể nói, tư duy nghệ thuật gắn với chủ thể sáng tạo là yếu tố cốt lõi, là "xương sống" trên đó tư tưởng, quan niệm của tác phẩm được hình thành đồng thời quy định*

việc lựa chọn các phương tiện biểu hiện, các biện pháp nghệ thuật.

Tư duy đồng dao là kiểu tư duy gắn với một thể loại văn học. Theo chúng tôi, *tư duy đồng dao là một loại hình tư duy nghệ thuật, mang đặc trưng tâm lí lứa tuổi, cách nhìn, cách cảm thụ và tái hiện thế giới của trẻ thơ. Đó là kiểu tư duy lấy cái nhìn ngộ nghĩnh, trong sáng, lấy cách giao tiếp với thế giới của trẻ thơ làm nguyên tắc cấu trúc thế giới nghệ thuật.* Trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại, dấu ấn của những mô thức tư duy đồng dao thể hiện khá đậm đặc trong sáng tác của nhiều tác giả. Đây cũng là qui luật kế thừa và cách tân trong sáng tạo nghệ thuật.

2.1.3. Đặc điểm cơ bản của tư duy đồng dao

2.1.3.1. Tư duy đồng dao là tư duy trẻ thơ biểu hiện qua sáng tác. Điểm nổi bật của phương thức tư duy này là sự ngây thơ, hồn nhiên, ngộ nghĩnh.

2.1.3.2. Nếu người lớn nghiêng về tư duy suy lí, già dặn, logic chặt chẽ thì trẻ em nghiêng về tư duy trực cảm hồn nhiên, trong trẻo. Theo chúng tôi, tư duy trực cảm là cơ sở của tư duy đồng dao.

2.1.3.3. Với tư duy trực cảm hồn nhiên, đồng dao nhìn thế giới khách quan bằng cái nhìn đầy kì thú, hấp dẫn với nhiều sắc màu, dáng vẻ.

2.1.3.4. Gắn bó với thiên nhiên, tạo vật, đồng dao thể hiện nhãn quan bè bạn thân thiện, sẻ chia khi hướng về thế giới xung quanh.

2.1.3.5. Là thể loại chủ yếu hướng về tuổi nhỏ, đồng dao gắn với trò chơi, thỏa mãn nhu cầu vui chơi và tổ chức trò chơi cho trẻ. Không chỉ là một yếu tố của trò chơi, bản thân đồng dao cũng là trò chơi.

2.1.3.6. Để đáp ứng chức năng vui chơi và phù hợp với tâm lí trẻ em, đồng dao tái hiện cuộc sống và thế giới bằng cách nói vần vè, giản dị, không cầu kì, hoa mĩ. Tư duy đồng dao mang tính ngẫu hứng, bất định, linh hoạt, tự do.

2.1.3.7. Bằng cảm quan hồn nhiên, ngây thơ, đồng dao tái hiện thế giới và cuộc sống thông qua quan sát, tưởng tượng, liên tưởng phong phú.

2.2. Thơ thiếu nhi

2.2.1. Quan niệm về thơ thiếu nhi

Theo chúng tôi, thơ thiếu nhi là thơ viết cho thiếu nhi, viết về thiếu nhi và vì thiếu nhi. Đó là những tác phẩm thơ do các em viết hoặc do người lớn viết cho các em từ điểm nhìn trẻ thơ, khai thác đề tài trong chính cuộc sống sinh hoạt, vui chơi của các em. Thơ thiếu nhi phải có nội dung - nghệ thuật gần gũi, quen thuộc với vốn trải nghiệm của trẻ, được các em thích thú, say mê và có tác dụng hoàn thiện đạo đức, tâm hồn cho trẻ.

2.2.2. Đặc điểm cơ bản của thơ thiếu nhi

2.2.2.1. Trước hết, thơ thiếu nhi là tấm gương phản ánh chân thực cuộc sống và các hoạt động vui chơi của trẻ thơ.

2.2.2.2. Thơ thiếu nhi đậm chất hồn nhiên, ngây thơ như một đặc trưng thẩm mĩ không thể thiếu.

2.2.2.3. Thơ thiếu nhi mang đến cho trẻ em cảm giác vui tươi, dí dỏm, ngộ nghĩnh, gần với trò chơi.

2.2.2.4. Thơ thiếu nhi giàu trí tưởng tượng bay bổng và sức liên tưởng bất ngờ, khơi mở trong các em những khoái cảm thẩm mĩ mới mẻ.

2.2.2.5. Thơ thiếu nhi có ngôn ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu đồng thời giàu vần điệu, nhạc điệu.

2.2.2.6. Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà sâu lắng cũng là đặc điểm quan trọng của thơ thiếu nhi.

2.3. Cơ sở hình thành tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi

2.3.1. Cơ sở xã hội - văn hóa

Khi văn học viết cho trẻ em hình thành, đặc biệt ở lĩnh vực thơ ca, bản thân người sáng tác đã có ý thức tiếp nhận đồng dao, ý thức này càng về sau càng rõ nét. Có thể nói, sự tìm đến kinh nghiệm đồng dao trước hết xuất phát từ nhu cầu tự thân của thơ thiếu nhi để nó thực sự trở thành món ăn tinh thần hấp dẫn với trẻ em.

Tuy nhiên, trong một số giai đoạn, do điều kiện lịch sử đặc biệt, quan niệm trẻ em bị lí tưởng hóa dẫn đến văn chương viết cho các em nghiêng nhiều về cái cao cả, lí tính. Thơ thiếu nhi đôi khi bị gò ép bởi chức năng giáo dục có phần lộ liễu.

Thời kì mở cửa, tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa cùng văn hóa truyền thông, ngoại nhập vừa thu hẹp sân chơi truyền thống của các em vừa mở ra những trò chơi mới lạ. Văn hóa nghe - nhìn đang xâm nhập vào từng ngõ ngách. Đối diện với sự cạnh tranh của truyền thông đại chúng, giới sáng tác nhận thấy cần phải tăng cường chất cảm xúc, sự trong sáng, hồn nhiên. Trong nhiều kinh nghiệm cũ được kích hoạt, kinh nghiệm về đồng dao mang đến cho họ bài học sáng tác quí báu. Cách thức kế thừa, khai thác đồng dao không chỉ thử thách bộc lộ tài năng, cá tính của người cầm bút mà còn cho thấy sự vận động của quan niệm văn chương, quan niệm con người ở mỗi thời đại, mỗi cộng đồng.

Sự tái sinh mô thức đồng dao hay một số khía cạnh nghệ thuật đồng dao là một hiện tượng đang phổ biến trong văn hóa, văn học hiện đại, đặc biệt là trong thơ thiếu nhi và được thể nghiệm thành công qua sáng tác của các nhà thơ từ

Phạm Hổ, Võ Quảng, Xuân Quỳnh, Định Hải, Lữ Huy Nguyên, Trần Đăng Khoa... đến Ngô Thị Bích Hiền, Hoài Khánh, Nguyễn Lãm Thắng, Vi Thùy Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh... Do tính chất hồn nhiên, phóng túng, tự do, vô vụ lợi của đồng dao mà kinh nghiệm này thuộc về một dòng mạch văn chương thời kì đổi mới: quan niệm văn chương như "trò chơi". Điều này cho thấy sự vận động tư duy văn học thiếu nhi nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng luôn phản chiếu sự vận động của quan niệm về con người và không tách rời xu hướng phát triển chung của văn học dân tộc.

2.3.2. Đặc điểm tâm lí tuổi thơ

Trước đây, từng tồn tại quan niệm cho rằng trẻ em là bản sao thu nhỏ của người lớn. Chúng là đối tượng bé nhỏ, yếu đuối, dễ nắm bắt, cần được uốn nắn, thậm chí "qui phục" theo chuẩn mực của người lớn. Cách hiểu lệch lạc này dẫn đến văn học cho trẻ em nghiêng nhiều về mục đích giáo huấn".

Từ cuối thế kỉ XIX, đặc biệt trong thế kỉ XX, khoa học nghiên cứu tâm lý trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam phát triển mạnh, tác động rất lớn đến văn học thiếu nhi, khắc phục một số quan niệm lệch lạc trước đây.

Tâm lý học hiện đại khẳng định trẻ em cần được nhìn nhận như một thực thể sống động, có thế giới riêng biệt. Bởi thế, người viết cho thiếu nhi không chỉ mang thiên chức của một nghệ sĩ mà còn phải có thêm thiên chức của nhà tâm lý, nhà sư phạm. Nói cách khác, đó là sự thấu hiểu đối tượng hướng đến của nghệ thuật. Thoát li tâm sinh lí trẻ, không thâm nhập vào cuộc sống vui chơi, sinh hoạt học tập của trẻ sẽ khó thành công trong sáng tác.

Từ phát hiện của tâm lí học, soi vào đồng dao và thơ thiếu nhi, có thể thấy rằng: tuy có những khác biệt nhất định về vấn đề tác giả, về phương thức lưu truyền, diễn xướng nhưng đồng dao và thơ thiếu nhi có chung một điểm tựa: cùng hướng về đối tượng trẻ em, cùng dựa trên nền tảng tâm lí trẻ em để sáng tác. Đối tượng thẩm mĩ đặc biệt này có nhu cầu, sở thích, đặc trưng tâm lí riêng qui định việc lựa chọn nội dung phản ánh cũng như hình thức nghệ thuật để cấu trúc tác phẩm. Người nghệ sĩ dân gian trong đồng dao với nhà thơ hiện đại hôm nay tuy cách xa về khoảng cách thời gian nhưng giữa họ có điểm gặp gỡ, đó là cách nhìn thế giới bằng "cặp mắt xanh non", "cặp mắt biếc rờn". Nói cách khác, đó là khả năng "nhập vai" trẻ em, cảm nhận thiên nhiên và cuộc sống con người bằng con mắt hồn nhiên của trẻ.

Xuất phát từ đặc điểm tâm lí tuổi thơ, chúng tôi nhận thấy sự vận dụng đồng dao trong sáng tác thơ cho thiếu nhi và thơ cho người lớn hoàn toàn không giống

nhau. Với thơ cho người lớn, tiêu biểu là trường hợp Trần Dần, Bùi Giáng, Nguyễn Trọng Tạo, Trần Nguyễn Anh... các tác giả chủ yếu mượn hình thức đồng dao biến thơ thành trò chơi nhằm mục đích chống lại bệnh công thức, giáo điều, bệnh thánh hóa thi ca. Ngược lại, với thơ thiếu nhi, khai thác đồng dao chủ yếu nhằm mục đích tôn vinh cái đẹp hồn nhiên, tươi non, tinh khiết, giúp các em giải tỏa áp lực lao động, học hành. Các em sẽ không bị hoang mang bởi giọng triết lí sâu sắc, không chán ngấy bởi những bài học giáo dục trịnh trọng mà được đánh thức niềm vui chơi giỡn, trí tưởng tượng phóng túng và những liên tưởng bất ngờ.

2.3.3. Qui luật sáng tạo nghệ thuật

Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nằm trong mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết - mối quan hệ tự nhiên, đã trở thành qui luật của bất kì nền văn học dân tộc nào. Trong lịch sử, văn học dân gian và văn học viết vừa tồn tại độc lập vừa nương tựa vào nhau, vừa "đối lập" vừa dung hòa về các mặt khuynh hướng tư tưởng, quan niệm thẩm mĩ, đề tài, thể loại, chịu sự qui định của những qui luật chung về hoạt động sáng tạo để cuối cùng tạo nên bức tranh hài hòa của một nền nghệ thuật ngôn từ.

Đối chiếu với đồng dao và thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy đây là hai hình thái nghệ thuật ngôn từ độc lập, hình thành, tồn tại và phát triển trong những điều kiện không giống nhau nhưng hai bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có sự tác động lẫn nhau. Đồng dao và thơ thiếu nhi đều thuộc về loại hình thơ ca nên giữa chúng có những nét gần gũi về bản chất thể loại, phương pháp phản ánh, tư duy nghệ thuật, chức năng tư tưởng thẩm mĩ. Mặt khác, đồng dao và thơ thiếu nhi cùng hướng đến một đối tượng, đó là trẻ em. Vì vậy, chúng còn chịu sự qui định của các yếu tố tâm sinh lí, đặc điểm tư duy, nhận thức, khả năng cảm thụ và tiếp nhận văn học của lứa tuổi thiếu nhi. Vận dụng đồng dao, nắm, hiểu được những đặc điểm đó sẽ giúp các nhà thơ hiện đại sáng tác được những bài thơ đi vào đời sống tinh thần trẻ em, được các em yêu thích. Tất nhiên, việc học tập đó thành công đến đâu còn phụ thuộc vào mức độ sáng tạo, năng lực cách tân, tức là bản lĩnh và tài năng của mỗi người. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi không chỉ là quy luật kế thừa - tiếp biến trong sáng tạo nghệ thuật mà còn phản ánh quy luật giao thoa thể loại trong văn học hiện đại.

Chương 3
TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO BỨC TRANH THẾ GIỚI TRONG THƠ THIẾU NHI

3.1. Thế giới kiến tạo từ quan niệm vạn vật bằng hữu

3.1.1. Thế giới bè bạn thân thiện, gần gũi

Trước hết là tình bạn trong thế giới cỏ cây, hoa lá phong phú, đa dạng. Cỏ cây, hoa lá bầu bạn với các em, mang đến cho các em cái nhìn mới mẻ cũng như niềm vui khám phá thế giới kì diệu xung quanh. Ví dụ: *Củ cà rốt*, *Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Trái chín* (Đặng Hấn), *Bạn trong vườn xanh*, *Đồng dao cây* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Tình bạn trong thế giới loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu được các tác giả thể hiện qua những vần thơ hồn nhiên, dí dỏm. Những con vật không đứng riêng lẻ mà có bạn có bầy, gắn bó nhau bởi tình bằng hữu. Ví dụ: *Phải chung màu lại* (Võ Quảng), *Sáo đậu lưng trâu* (Phạm Hổ), *Mèo và tro bếp*, *Chơi ú tim* (Phạm Hổ), *Con chó và con mèo* (Định Hải)...

Xuất phát từ thế giới quan vạn vật bằng hữu, những đồ vật nhỏ bé cũng được nhân cách hóa trở thành "những người bạn im lặng" mà tốt bụng. Các tác giả không chỉ dừng lại ở việc nhận biết hay gọi tên đơn thuần mà còn hiểu rõ đặc điểm, tính cách riêng của từng người bạn. Ví dụ: *Thước*, *Chổi*, *Rế*, *Đinh*, *Xe chữa cháy* (Phạm Hổ), *Nhịp võng đưa*, *Đôi bạn* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Bằng tưởng tượng phóng khoáng, trẻ em không chỉ kết bạn với thế giới gần gũi hàng ngày mà còn tìm đến một thế giới xa rộng hơn, bao gồm cả các hiện tượng bí ẩn trong vũ trụ như trăng, sao. Ví dụ: *Ông sao* (Thi ca bình dân), *Mời xuống đây chơi* (Võ Quảng), *Trăng sáng* (Nhược Thủy), *Trăng sáng sân nhà em*, *Trăng ơi từ đâu đến*, *Trông trăng*, *Trăng tròn*... (Trần Đăng Khoa), *Ông trăng qua núi*, *Trăng Mã Pì Lèng* (Dương Thuấn), *Trăng*, *Ông trăng* (Ngô Thị Bích Hiền), *Ông trăng ơi!* (Nguyễn Lãm Thắng), *Trăng khuyết*, *Trăng thương* (Phan Tuy An)... Hình ảnh trăng, sao mộc mạc, bình dị từ câu hát đồng dao đã đến với các bạn nhỏ hôm nay bằng cái nhìn mới mẻ và sự sáng tạo riêng độc đáo của mỗi nhà thơ.

Tóm lại, nhãn quan vạn vật bằng hữu - một phương diện của tư duy đồng dao đã được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng để sáng tạo nên thế giới hồn nhiên, trong sang trong thơ viết cho các em. Dưới nhãn quan ấy, mọi ranh giới đều bị xóa bỏ, chỉ còn lại một thế giới duy nhất: thế giới của bạn bè.

3.1.2. Thế giới bè bạn bình đẳng, không định kiến

Không bị đóng khung trong những định kiến cứng nhắc nên trẻ đối xử với vạn vật rất công bằng, nhìn vạn vật với tình cảm yêu mến. Các em có thể vui

cùng *Hội Chuột* (Thi ca bình dân), *May áo cho mèo* (Phùng Ngọc Hùng), *Viết thư cho mèo*, *Đan áo cho búp bê* (Định Hải), chia sẻ vất vả với *Anh bù nhìn*, *Bác chổi chà* (Nguyễn Lãm Thắng), làm bạn với *Con cóc* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Trên tinh thần bình đẳng, tâm hồn trẻ em còn mở rộng khoan dung đón nhận và kết bạn với cả những hiện tượng ngỡ rất "khó yêu" bằng "lòng yêu mới". Có thể kể đến những bài thơ tiêu biểu như *Bốn người* (Võ Quảng), *Bạn có biết mùa hè*, *Cộng trừ*, *Facebook*, *Tắc đường*... (Nguyễn Thế Hoàng Linh).

Đặt bản thân mình bình đẳng với vạn vật, trẻ em còn có thể tâm tình, trò chuyện, chia sẻ với những đối tượng không phải là người. Những bài thơ như *Cái nụ* (Định Hải), *Đánh thức trầu*, *Đánh tam cúc*, *Sao không về Vàng ơi*, *Con trâu đen lông mượt*, *Hỏi đường*, *Hương nhãn*... (Trần Đăng Khoa), *Khuyên bạn mèo ốm* (Nguyễn Lãm Thắng), *Nói với cái u*, *Trò chuyện cùng mèo con*, *Dặn mèo* (Đỗ Nhật Nam) tiêu biểu cho cách thức thể hiện này.

Nhìn chung, thế giới bạn bè bình đẳng, không định kiến được xây dựng trong thơ thiếu nhi đã góp phần hình thành trong tâm hồn trẻ những cảm xúc phong phú, hướng các em đến lối sống hòa đồng, nhân ái, bao dung. Vấn đề tưởng như trừu tượng nhưng được các tác giả diễn đạt giản dị, gần với đồng dao nên dễ hiểu, phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

3.1.3. Thế giới bè bạn yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau

Từ tư duy đồng dao phóng chiếu vào thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy thế giới bè bạn được tái hiện trong thơ thiếu nhi không chỉ mang vẻ đẹp thân thiện, bình đẳng mà còn rất mực vô tư, trong sáng, được dệt nên từ những tình cảm yêu thương. Ví dụ: *Hai bàn tay em* (Huy Cận), *Bài ca gọi nghé* (Võ Văn Trực), *Khi bé Hoa ra đời* (Nguyễn Đức Mậu), *Con trâu đen lông mượt* (Trần Đăng Khoa)...

Trong thế giới tình bạn, các nhà thơ luôn để vạn vật đứng bên nhau, cùng tôn vinh, làm đẹp cho nhau. Có thể dẫn chứng một số bài thơ như *Rong và cá*, *Hoa và bướm*, *Tre* (Phạm Hổ), *Hoa mơ* (Ngô Quân Miện), *Vườn em* (Trần Đăng Khoa), *Hoa bìm bìm* (Nhược Thủy)... Trong những bài thơ này, sự vật thường được đặt trong quan hệ tương tác hai chiều, tạo thành những cặp phạm trù không thể tách rời.

Nói tóm lại, thế giới vạn vật bằng hữu trong thơ thiếu nhi được thể hiện thật hồn nhiên, trong sang, góp phần làm giàu có tâm hồn trẻ thơ. Thế giới bao quanh các em không chỉ được nhân hóa để trở nên sống động như người mà các tác giả còn hướng các em đến ý nghĩa nhân văn hơn của tình bạn: vạn vật đáng yêu, đáng mến, đáng để các em kết bạn, đáng được đối xử bằng tấm lòng trân trọng, nhân ái, bao dung của con người với con người.

3.2. Thế giới kiến tạo từ nguyên tắc ngẫu hứng, tự do

3.2.1. Phi logic trong cái nhìn trực quan về thế giới

Trong quá trình khám phá thế giới khách quan, trẻ em thường bắt đầu bằng sự quan sát trực tiếp nhưng do kinh nghiệm sống còn ít ỏi nên không tránh khỏi những nhầm lẫn, thắc mắc, những suy luận dựa trên trực giác phi lí tính. Ví dụ: *Thỏ con* (Võ Quảng), *Chú bò tìm bạn*, *Bê hỏi mẹ*, *Ngựa con* (Phạm Hổ), *Chổi rơm thần kì*, *Chú ếch ăn trăng*, *Sủa bóng* (Dương Thuấn)...

Tính phi logic trong cách suy nghĩ, nhìn nhận về thế giới của trẻ thơ còn biểu hiện trong sự nhầm lẫn giữa bản chất và hiện tượng. Kiểu tư duy đặc trưng này được phản ánh trong những bài thơ dí dỏm như *Ngủ rồi*, *Gà trống đẻ trứng* (Phạm Hổ), *Lời con* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Truyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Một cuộc du lịch* (Nguyễn Hoàng Sơn), *Ông trăng* (Ngô Thị Bích Hiền)...

Nhìn chung, những bài thơ chứa đựng yếu tố phi logic đã đưa người đọc đến thế giới của những người bạn nhỏ nhầm lẫn và thắc mắc nhưng cũng hết sức đáng yêu, mang lại tiếng cười vui vẻ, sảng khoái. Cười nhưng không phải để mỉa mai, chế giễu mà để các em nhỏ tự rút ra bài học nhận thức đúng đắn cho mình. Nét hấp dẫn của tác phẩm được tạo ra từ cái nhìn ngộ nghĩnh, trong đó "logic của sự ngây thơ đã hòa nhập vào thế giới thơ, với thế giới trẻ thơ làm một".

3.2.2. Liên tưởng phóng túng, bất ngờ

Liên tưởng có thể dựa vào sự giống nhau về tên gọi của sự vật mà mở ra ý nghĩa mới. Tác giả từ tên gọi của sự vật cụ thể này mà liên tưởng đến một sự vật khác, từ đó khái quát lên một cái gì đó cao hơn. Ví dụ: *Sao*, *Kể chuyện chim*, *Chuyện vui về cá* (Quang Huy), *Kể chuyện quả* (Xuân Quỳnh)...

Liên tưởng có thể dựa trên những sự vật, hiện tượng khác nhau, cách xa nhau nhưng được các tác giả phát hiện ra mối quan hệ giữa chúng. *Trông trăng*, *Trăng ơi... từ đâu đến* (Trần Đăng Khoa), *Cái chuông vú* (Hoàng Dạ Thi), *Đồng dao trông trăng* (Vi Thùy Linh), *Buổi chiều*, *Biển* (Nguyễn Thế Hoàng Linh)...

Nhìn chung, trên cơ sở tiếp thu liên tưởng đồng dao, các nhà thơ thiếu nhi hiện đại đã có sự vận dụng, sáng tạo riêng, mang đến cho các em những cảm nhận phong phú, mới lạ từ cuộc sống gần gũi xung quanh. Qua đó, các em được gia nhập vào thế giới hồn nhiên, sống trọn vẹn tuổi thơ của mình trong đó.

3.3. Thế giới kiến tạo từ mô hình trò chơi

3.3.1. Trò chơi vận động

Xét ở phương diện chức năng, đồng dao và trò chơi dân gian trước hết chính là một cách rèn luyện thân thể để trẻ khỏe mạnh, hoạt bát. Trong thơ thiếu nhi, bạn đọc có thể bắt gặp mô hình trò chơi vận động như thế trong những bài

thơ tiêu biểu như *Thả diều* (Phạm Hổ), *Đánh trận giả*, *Nhảy dây*, *Đu quay*, *Chồng nụ chồng hoa*, *Trốn tìm*, *Đu bay*, *Đi trốn đi tìm* (Định Hải), *Mời chơi* (Lữ Huy Nguyên), *Chơi cá ngựa* (Nguyễn Hồng Kiên), *Trò chơi*, *Đánh yến*, *Tung còn*, *Con quay* (Dương Thuấn), *Bập bênh* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Trẻ em luôn giàu có về tưởng tượng. Bởi vậy, trò chơi vận động còn có một ý nghĩa tích cực khác, đó là giúp các em phát huy trí tưởng tượng, sự khéo léo của bản thân. Ví dụ: *Thuyền giấy*, *Những món đồ chơi* (Phạm Hổ), *Trâu lá đa* (Lữ Huy Nguyên), *Củ khoai nghệ* (Trần Nguyên Đào)...

Mô hình trò chơi vận động không chỉ gắn với mục đích phát triển thể chất mà còn góp phần làm giàu có tâm hồn trẻ thơ. Hạt nhân hát và chơi của đồng dao vận động trong một cấu trúc mới. Ví dụ: *Mẹ, mẹ ơi, cô bảo* (Phạm Hổ), *Rồng rồng rắn rắn* (Định Hải), *Bé thành phi công* (Vũ Duy Thông), *Nu na nu nống* (Vi Thùy Linh), *Nu na nu nống* (Phạm Xuân Nguyên)...

Có thể thấy, thơ thiếu nhi hiện đại đã có sự học tập và làm mới hình thức chơi mà học, học mà chơi vốn là ưu thế của đồng dao. Với hình thức này, trí tưởng tượng của trẻ, nhận thức của trẻ được nâng đỡ bằng niềm hung phấn chơi đùa thoải mái.

3.3.2. Trò chơi trí tuệ

Mượn hình thức trò chơi, thơ thiếu nhi truyền tải hiệu quả đến trẻ những kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội. Ví dụ: *Đồng dao* (Đặng Huy Giang), Đồng dao về củ (Vương Trọng), *Đồng dao về quả* (Nguyễn Thị Thủy), *Bé học toán* (Thu Huyền)...

Trẻ thơ luôn có nhu cầu khám phá thực tế và lí giải hiện thực xung quanh. Nhưng khác với người lớn, cái các em thực sự cần là thứ tri thức được đúc rút từ linh hồn sống động của hiện thực chứ không phải những tri thức khô khan, giáo điều. Nắm bắt được tâm lí đó, nhiều nhà thơ đã tìm cách nâng nội dung giáo dục trên đôi cánh của hình thức chơi mang tầm trí tuệ. Ví dụ: *Cầu chữ Y* (Đặng Hấn).

Có thể thấy, thơ thiếu nhi hiện đại đã có sự học tập và làm mới hình thức chơi mà học, học mà chơi vốn là ưu thế của đồng dao. Với hình thức này, trí tưởng tượng của trẻ, nhận thức của trẻ được nâng đỡ bằng niềm hung phấn chơi đùa thoải mái.

3.3.3. Trò chơi từ ngữ

Trò chơi từ ngữ có thể được cấu trúc dựa trên hiện tượng từ đồng âm. *Chẳng phải chuyện đùa* (Quang Huy)

Trò chơi từ ngữ có thể dựa trên hiện tượng chơi chữ bằng phương tiện cùng âm. Ví dụ: *Chuyện vui về cá* (Quang Huy), *Kể em nghe chuyện cá* (Nguyễn Duy Quế)

Trò chơi từ ngữ cũng có thể dựa trên cách cấu trúc bài thơ giàu vần nhịp, trẻ có thể vừa đọc vừa vui chơi nhảy múa. Ví dụ: *Na, Ổi, Củ cà rốt, Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Mời vào* (Võ Quảng), *Hay hát đồng dao (*Nguyễn Lãm Thắng)…

Việc kiến tạo thế giới từ "trò chơi", như "trò chơi" kế thừa từ đồng dao giúp người sáng tác tránh được lối viết sống sượng, gò ép. Các em đến với mỗi bài thơ như đến với một trò vui hấp dẫn. Thông qua trò vui đó, các em có thể làm giàu tri thức, ngôn ngữ cho mình mà không làm mất đi nét hồn nhiên, dí dỏm của tuổi thơ.

Chương 4
TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT TRONG THƠ THIẾU NHI

4.1. Thể thơ ngắn và trò chơi vần nhịp

4.1.1. Thể hai chữ

Một số tác giả khai thác ưu thế nhịp đôi trải đều nhằm miêu tả cụ thể trạng thái của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: *Tàu dài, Mưa* (Phạm Hổ), *Bài ca của gió* (Văn Biển), *Bươm bướm* (Lê Anh Sơn), *Tiếng ve* (Quang Huy), *Tiếng hót* (Vũ Ngọc Bình), *Giọt mưa* (Nguyễn Lãm Thắng)....

Một số tác giả mượn thể hai chữ của đồng dao nhưng lồng ghép trong đó hình ảnh mới của cuộc sống hôm nay nhằm cung cấp cho các em hiểu biết về một số sự vật, hiện tượng hoặc đưa đến cho trẻ nhận thức mới mẻ từ những điều giản dị hàng ngày. Ví dụ: *Đồng cỏ* (Võ Văn Trực), *Hạt mưa, Cái hôn* (Lâm Thị Mĩ Dạ), *Gốc mùa xuân* (Mai Ngọc Uyển), *Hạt thóc* (Nguyễn Đức Mậu), *Chú dế đàn* (Trúc Chi)...

Bên cạnh đó, thể hai chữ, nhịp thơ chậm rãi như lời kể chuyện tâm tình cũng rất phù hợp với việc thể hiện những chiêm nghiệm, suy tư một cách nhẹ nhàng. Ví dụ: *Sen nở* (Phạm Hổ), *Bàn tính cầu thang* (Phan Cung Việt)...

4.1.2. Thể ba chữ

Thể thơ ba chữ với nhịp chắc, mạnh được các nhà thơ vận dụng trong miêu tả khiến bài thơ mang âm hưởng vui tươi như một trò chơi. Trong một số bài, chúng tôi nhận thấy các tác giả không chỉ láy lại thể thơ, những yếu tố khuôn hình như vần, nhịp mà ngay cả hình thức diễn đạt cũng in bóng đồng dao rõ nét. Ví dụ: *Một ông trăng* (Phạm Hổ), *Chuồn chuồn kim* (Xuân Hoài), *Chuồn kim, Cho bé* (Nguyễn Lãm Thắng)....

Với một số tác giả, thể thơ ba chữ kết hợp với nhịp vận động của trò chơi là phương thức nhằm khắc họa rõ nét hơn một khung cảnh gây ấn tượng đặc biệt hay để chuyển tải một thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc. Ví dụ: *Ai dậy sớm*

(Võ Quảng), *Chim chích bông* (Nguyễn Viết Bình), *Mùa lúa chín* (Nguyễn Khoa Đăng)...

4.1.3. Thể bốn chữ

Trong thơ thiếu nhi, chúng tôi thống kê có 260/ 600 bài (≈43,3%) viết theo thể bốn chữ. Tuy nhiên, do sự quy định của tâm lý tiếp nhận, không đặt mục tiêu "làm chữ", "chơi" thơ nên thơ thiếu nhi ít gieo vần khó mà chủ yếu mượn thể thơ, vần, nhịp của đồng dao để bộc lộ cảm xúc hoặc giúp trẻ mở rộng nhận thức một cách vui vẻ. Ví dụ: *Mười quả trứng tròn* (Phạm Hổ), *Chim gọi mùa, Mè hỏa mè hoa* (Thạch Quỳ), *Cánh, Trái chín* (Đặng Hấn), *Chuyện vui về cá* (Nguyễn Duy Quế), *Như là đồng dao* (Vi Thùy Linh)...

Thể bốn chữ ngắt nhịp 2/2 mô phỏng động tác đi, đứng, chạy, nhảy của trẻ được sử dụng trong nhiều bài thơ mô phỏng trò chơi, như: *Dung dăng dung dẻ* (Nhược Thủy), *Bịt mắt bắt dê, Xúc xắc xúc xẻ* (Thi ca bình dân), *Đèn đỏ, đèn xanh, Rồng rồng rắn rắn* (Định Hải)... Nhịp thơ tương ứng với nhịp của hành động khi chơi. tạo cảm giác gần gũi, quen thuộc đã từng gặp trong đồng dao.

Thể bốn chữ với cách ngắt nhịp đôi, gieo vần lưng, vần chân từ đồng dao đến thơ thiếu nhi còn được các tác giả làm mới bằng cách lồng ghép những thi liệu hiện đại bên trong hình thức truyền thống. Ví dụ: *Một đường dây điện, Trong một nhà máy, Ông cần trục, Câu chuyện học lái tàu* (Võ Quảng), *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa), *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng)...

4.2. Tái lặp những dạng thức kết cấu quen thuộc

4.2.1. Kết cấu đối đáp

4.2.1.1. Kết cấu đối đáp hai vế

Tương tự đồng dao, những bài thơ xây dựng kết cấu đối đáp cũng thường gồm hai vế, vế hỏi và vế đáp sắp xếp đan xen để cùng thực hiện một chức năng thẩm mĩ, hướng về một chủ đề nhất định. Thông qua những lời trò chuyện trực tiếp bằng thơ ca, các tác giả không chỉ tái hiện vẻ đẹp của thế giới trẻ thơ hồn nhiên, khát khao hiểu biết mà còn góp phần làm giàu có vốn tri thức đời sống cho các em. Ví dụ: *Hoa hồng, Hoa sen, Hoa đào, Chim sáo, Lúa và gió, , Ngủ rồi, Thỏ dùng máy nói, Bê đòi bú, Bê hỏi mẹ, Bướm em hỏi chị, Soi gương*... (Phạm Hổ), *Con yêu mẹ, Cắt nghĩa* (Xuân Quỳnh), *Bóc lịch* (Bế Kiến Quốc)...

4.2.1.2. Kết cấu đối đáp một vế ẩn

Bên cạnh những bài thơ có kết cấu hai vế hỏi - đáp rõ ràng, trong một số trường hợp nhà thơ chỉ xây dựng hình tượng thơ bằng cách ẩn đi một vế. Bài thơ có khi giống độc thoại của nhân vật, không xuất hiện lời của nhân vật thứ hai nhưng bạn đọc vẫn ngầm hiểu được câu trả lời. Tiêu biểu cho hình thức này là các bài *Ai cho em biết* (Võ Quảng), *Vì sao* (Xuân Quỳnh), *Hỏi lá, hỏi hoa* (Cao Xuân Sơn), *Lời con* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Trăng ơi từ đâu đến, Cháu nhìn trăng đầu tháng* (Trần Đăng Khoa)...

Tóm lại, thông qua hình thức hỏi - đáp, trẻ em được khám phá bao điều bí ẩn, phát hiện ra *"Nhiều chuyện rất thật/ Mà lạ vô cùng"* (Phạm Hổ).

4.2.2. Kết cấu vòng tròn

4.2.2.1. Kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối

Kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối hay còn gọi là hình thức đầu cuối tương ứng có đặc điểm bài thơ mở đầu và khép lại bằng một câu hoàn toàn giống nhau, tạo cảm giác như một trò chơi vui nhộn, kéo dài không dứt. Dạng thức này được sử dụng trong những bài thơ như *Lượm* (Tố Hữu), *Chiếc xe lu* (Trần Nguyên Đào), *Gửi lời chào lớp Một* (Hữu Tưởng), *Sang năm con lên bảy* (Vũ Đình Minh), *Hỏi lá hỏi hoa* (Cao Xuân Sơn), *Tôi là chim chích* (Hoàng Minh Châu), *Kể cho bé nghe, Con bướm vàng,* (Trần Đăng Khoa), *Ông mặt trời óng ánh* (Ngô Thị Bích Hiền)... Trẻ có thể đọc đi đọc lại bài thơ nhiều lần theo lối quay vòng một cách thích thú.

4.2.2.2. Kết cấu vòng tròn co giãn linh hoạt

Thứ nhất, lặp lại những câu không giống nhau tuyệt đối về mặt từ ngữ nhưng chung dòng mạch ý tưởng để làm sáng tỏ hơn ý nghĩa của toàn bài. ví dụ: *Thị* (Phạm Hổ), *Chiếc xe lu* (Trần Nguyên Đào)...

Thứ hai, lặp lại nguyên một câu ở đầu mỗi khổ thơ và cấu trúc ngữ pháp của từng đoạn thơ trong bài. Ví dụ: *Hạt gạo làng ta, Thả diều, Con cò trắng muốt* (Trần Đăng Khoa), *Cái con chìa vôi* (Nguyễn Lãm Thắng)

Việc vận dụng kết cấu vòng tròn với những hình thức khác nhau từ đồng dao đến thơ thiếu nhi không chỉ thể hiện sự dụng công của các tác giả trong quá trình sáng tạo mà còn phản ánh quá trình tư duy, vận động nghệ thuật của nhà thơ.

4.2.3. Kết cấu trùng điệp cú pháp

Để tạo sự dung dị, gần gũi, nhiều bài thơ láy lại hoàn toàn kết cấu trùng điệp cú pháp của đồng dao, toàn bài thơ sóng đôi từng cặp theo thể bốn chữ, mỗi cặp câu khái quát một đặc điểm của đối tượng được nói đến. Câu thứ nhất nêu lên định nghĩa bằng cách nói ví von, hình ảnh, nối với câu thứ hai bằng hệ từ "là". Có thể dẫn ra những bài thơ tiêu biểu như *Lời, Họ nhà mưa, Kể chuyện chim, Chuyện vui về cá, Chân nào tài nhất, Chẳng phải chuyện đùa* (Quang Huy), *Trái chín* (Đặng Hấn), *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa), *Kể em nghe chuyện cá* (Nguyễn Duy Quế), *Đồng dao cây, Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Bên cạnh đó, có những bài thơ dựa trên kết cấu trùng điệp cú pháp của đồng dao nhưng giản lược về hình thức diễn đạt để câu thơ súc tích, hiện đại hơn. Có bài, tác giả lược bỏ hệ từ *là* giúp câu thơ ngắn gọn, gợi hình hơn trong thể ba chữ như *Những chiếc lá gặp nhau* (Quang Huy). *Đỏ chon chót* (Đặng Hấn)...

Có bài, tác giả sáng tác theo thể lục bát, lựa chọn hình thức diễn ý trọn vẹn trên một câu tương đương đơn vị một dòng thơ, tạo nên sự hàm súc, ví dụ: Bếp

vui (Nguyễn Hoàng Sơn), *Mỗi người mỗi việc* (Nguyễn Văn Chương)...

Kết cấu trùng điệp cú pháp từ đồng dao đến thơ thiếu nhi còn được phát triển dưới nhiều phương thức khác, có thể là lặp lại một từ/ một cụm từ, lặp lại cấu trúc một câu/ một bộ phận của câu hoặc lặp cấu trúc cả khổ thơ. Ví dụ: *Một ông trăng*, *Vịt*, *Ý nghĩ đầu xuân* (Phạm Hổ), *Bận* (Trinh Đường), *Con mẻo con meo* (Phác Văn), *Bài hát trồng cây* (Bế Kiến Quốc), *Mùa thu của em* (Quang Huy), *Sắc màu em yêu* (Phạm Đình Ân), *Khi ta giở sách ra* (Thanh Quế), *Trò chơi*, *Dỗ em*, *Ơn thầy* (Dương Thuấn)...

Nhìn chung, kết cấu trùng điệp tiếp thu từ đồng dao đã được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng uyển chuyển trong từng trường hợp nhằm tăng độ "kết dính" giữa các câu thơ, ý thơ, từ đó khắc sâu ý tưởng mà tác giả muốn truyền đạt.

4.3. Vay mượn mô thức ngôn ngữ đồng dao

4.3.1. Mô thức kể

4.3.1.1. Kể dưới hình thức liệt kê đơn giản

Bài thơ không phân khổ, không có cốt truyện, nhân vật, sự kiện mà xây dựng từng cặp câu nối tiếp nhau kể vật, kể việc theo hướng liệt kê đặc điểm, tính chất. Người "kể" thuộc ngôi thứ ba, đảm bảo nội dung kể có tính khách quan. Tiêu biểu cho hình thức này là những bài thơ trong tập *Chim gọi mùa*, *Gió từ đâu* của Quang Huy, *Mè hoa lượn sóng* của Thạch Quỳ, *Chợ chim* của Hữu Thỉnh, *Kể cho bé nghe* của Trần Đăng Khoa, *Kể em nghe chuyện cá* của Nguyễn Duy Quế, *Đồng dao cây*, *Hay hát đồng dao* của Nguyễn Lãm Thắng...

Trong một số bài, bên cạnh lối kể khách quan, tác phẩm đan xen thêm lời bình luận, phát biểu cảm xúc của người viết. Hình thức này khiến lối kể vần vè truyền thống trở nên biểu cảm. Ví dụ: *Mè hoa lượn sóng* (Thạch Quỳ), *Vè cái kẹo* (Nguyễn Hoàng Sơn)…

4.3.1.2. Kể dưới hình thức thuật lại "mẩu chuyện nhỏ"

Nhiều tác phẩm vận dụng tính chất kể của ngôn ngữ đồng dao để thuật lại một câu chuyện hoàn chỉnh, có nội dung cốt truyện với đầy đủ tuyến nhân vật, sự kiện, tình huống hoặc kể lại một sự tích. Ngoài những truyện thơ như *Mèo đi câu cá* (Thái Hoàng Linh), *Nàng tiên ốc* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Bồ Câu và Ngan* (Phạm Hổ)..., những bài thơ ngắn cũng đều kể lại một sự việc, một hiện tượng như *Chú bò tìm bạn* (Phạm Hổ), *Gọi bạn* (Định Hải), *Ong và bướm* (Nhược Thủy), *Dán hoa tặng mẹ* (Khải Minh), *O tròn như trứng vịt* (Nguyễn Duy Quế)...

4.3.2. Mô thức cải dạng lời đồng dao

4.3.2.1. Cải dạng trên cơ sở lặp lại câu mở đầu của đồng dao

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, người đọc có thể bắt gặp nhiều tác phẩm mà câu thơ mở đầu chính là sự vọng về của âm điệu đồng dao thân thiết thuở nào. Các tác giả giữ nguyên câu mở đầu, giữ nguyên hình thúc kết cấu của đồng dao,

phần lời còn lại có sự cải dạng. Hình thức này phổ biến với những bài thơ trong tập *Thi ca bình dân*, tập *Trâu lá đa* (Lữ Huy Nguyên).

4.3.2.2. Cải dạng trên cơ sở lặp cấu trúc hoặc một đoạn lời đồng dao

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, có hiện tượng một số bài đặt lại lời mới trên cơ sở cấu trúc bài đồng dao sẵn có. Sự rập khuôn cấu trúc mang đến cảm giác na ná đồng dao. Tiêu biểu cho hình thức này là *Mấy vần tươi sáng* (khuyết danh), một số bài thơ của Quang Huy, Phan Trung Hiếu.

Ngoài ra, có một số tác phẩm thơ thiếu nhi sử dụng lại một đoạn lời của bài đồng dao nhưng vẫn hấp dẫn bởi nội dung hiện đại lồng trong đó như *Chi chi chành chành* (Lữ Huy Nguyên), *Chơi chuyền* (Thái Hoàng Linh).

4.3.2.3. Cải dạng trên cơ sở kế thừa ý từ lời đồng dao

Trong thơ thiếu nhi có hiện tượng một số tác phẩm kế thừa cảm hứng, ý tứ từ phần lời của đồng dao nhưng để sáng tạo hình tượng mới. Ví như: *Mọi thứ cần* (Định Hải), *Con cò trắng muốt*, *Đám ma bác Giun*, *Trăng sáng sân nhà em* (Trần Đăng Khoa), *Như là đồng dao* (Vi Thùy Linh)...

Mô thức cải dạng lời đồng dao với những hình thức biểu hiện phong phú đã mang đến cho thiếu nhi vẻ đẹp của sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

KẾT LUẬN

1. Văn học thiếu nhi nói chung và thơ thiếu nhi nói riêng là một bộ phận không thể tách rời của nền văn học Việt Nam hiện đại. Đề tài của chúng tôi nhằm mục đích đi sâu tìm hiểu và nhận diện dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi từ 1945 đến nay, với mong muốnghi nhận sự tương tác giữa văn học dân gian và văn học viết, nhất là văn học viết cho thiếu nhi, sự kế thừa - tiếp nhận, sáng tạo - cách tân trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật khởi nguồn từ tư duy đồng dao. Từ đó cho thấy thành tựu của mảng thơ thiếu nhi từ sau 1945 đến nay cùng đóng góp của nó trong tiến trình vận động và phát triển của văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

2. Xung quanh khái niệm đồng dao, cho đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến luận bàn chưa thống nhất. Dựa trên quá trình tìm hiểu, khảo sát tư liệu, chúng tôi quan niệm đồng dao là một phức thể có ý nghĩa đặc biệt trong sinh hoạt nhi đồng. Đó là những lời hồn nhiên, mộc mạc, dành cho trẻ em hát và chơi, do trẻ em trực tiếp lưu truyền, diễn xướng. Căn cứ vào đặc điểm tâm lí lứa tuổi, vào cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của thế giới trẻ thơ qua đồng dao, luận án xác định tư duy đồng dao là tư duy trẻ thơ biểu hiện qua sáng tác, dựa trên cơ chế tưởng tượng, liên tưởng đặc biệt. Tư duy đồng dao có một số đặc điểm như: tư duy ngây thơ, hồn nhiên, ngộ nghĩnh; tư duy trực cảm, hồn nhiên, trong trẻo, tư

duy thể hiện nhãn quan bè bạn, tư duy mang tính ngẫu hứng, bất định, tự do, gắn với tính trò chơi.

Thơ thiếu nhi vừa là một bộ phận của văn học dân tộc vừa là một bộ phận của văn học thiếu nhi. Thơ thiếu nhi có thể do trẻ em sáng tác hoặc do người lớn sáng tác cho các em từ nhãn quan trẻ thơ. Dù xoay quanh đề tài nào, thơ thiếu nhi cũng cần phù hợp với tâm lí trẻ em, tức là cần sự hồn nhiên, ngây thơ, ngộ nghĩnh. Nắm bắt được đặc điểm này, thơ thiếu nhi đã tìm về đồng dao với cách tư duy đặc biệt của nó như tìm về một phương pháp sáng tác nhằm mang đến cho các em những bài thơ trong trẻo, vượt thoát khỏi sự nhàm chán của kinh nghiệm, lí tính. Qua đó, bản thân người cầm bút cũng được thỏa mãn khát vọng sáng tạo thơ ca, định hình cho mình một nét phong cách. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nằm trong mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, phản ánh một qui luật tất yếu trong nghệ thuật và được xây dựng trên nền móng cơ sở vững chắc.

3. Với đề tài này, chúng tôi đi vào giải quyết vấn đề nghiên cứu trên hai bình diện lớn là: dấu ấn tư duy đồng dao nhìn từ phương diện kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi và dấu ấn tư duy đồng dao nhìn từ phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi. Qua đó, cho thấy sự tiếp nhận văn hóa, văn học dân gian với thơ viết cho thiếu nhi đã tăng thêm giá trị thẩm mĩ, thu hút bạn đọc nhỏ tuổi với những nguyên tắc kiến tạo riêng của nó.

3.1. Trên phương diện kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy dấu ấn tư duy đồng dao được phản chiếutrong cách nhìn thế giới vạn vật và thế giới trẻ thơ đầy màu sắc, sinh động, thể hiện tình bằng hữu, hướng thiện, làm giàu tâm hồn và tình cảm của trẻ thơ trong quan hệ giữa con người với vạn vật, với môi trường sinh thái. Đặc biệt, sự vận dụng linh hoạt yếu tố ngẫu hứng, tự do trong tưởng tượng, liên tưởng đã đem đến cái nhìn mới mẻ, muôn màu về thế giới xung quanh, phù hợp với tâm lí hiếu kì, thích tìm hiểu, khám phá của trẻ thơ khiến các em được sống, được "trò chơi hóa" trong thế giới của chính mình. Đó là thế giới đầy tình thân ái, tương giao, chưa mang nặng nỗi niềm hay bị chi phối bởi những quan niệm nhân sinh như người lớn.

3.2. Trên phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi, dấu ấn tư duy đồng dao nổi bật ở thể thơ ngắn và trò chơi vần nhịp: thể hai chữ, ba chữ, bốn chữ; ở sự tái lặp các dạng kết cấu quen thuộc: đối đáp, vòng tròn, trùng điệp cú pháp; ở sự vay mượn các mô thức ngôn ngữ đồng dao: mô thức kể, mô thức cải dạng lời đồng dao. Trên cơ sở những mô thức đồng dao quen thuộc, các tác giả thơ thiếu nhi đã nỗ lực tìm tòi, sáng tạo, đan xen hình ảnh hoặc ý tưởng mới cho phù hợp với tâm lí thiếu nhi hôm nay. Từ đó, cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và cách tân, mang ý nghĩa nhân văn, thỏa mãn thị hiếu của

lứa tuổi măng non. Tất cả nhằm hướng đến tiêu chí "sáng về nhận thức và trong về nghệ thuật" [84].

4. Theo dõi tiến trình phát trình phát triển của thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay, chúng tôi nhận thấy ý thức tiếp nhận đồng dao của thơ thiếu nhi phát triển theo hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất, rập khuôn mô hình đồng dao cả về ngôn ngữ, diễn đạt, hình thức biểu hiện, tiêu biểu như các sáng tác trong tập *Thi ca bình dân* hay thơ Quang Huy, Thạch Quỳ, Lữ Huy Nguyên... Khuynh hướng thứ hai, kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống và hiện đại, dấu ấn tư duy đồng dao có khi không hiển lộ ở bề mặt câu chữ mà ẩn trong cách nhìn, cách khám phá, lí giải thế giới từ điểm nhìn trẻ thơ, tiêu biểu như thơ Phạm Hổ, Định Hải, Xuân Quỳnh, Cao Xuân Sơn, Nguyễn Hoàng Sơn, Vi Thùy Linh, Nguyễn Lãm Thắng, Nguyễn Thế Hoàng Linh... Tuy nhiên, dù theo khuynh hướng nào, cũng không thể phủ nhận rằng, kho tàng đồng dao phong phú đã để lại cho thế hệ nhà thơ hôm nay một bài học sáng tác quí giá: thơ muốn đi vào đời sống tinh thần của các em, để được các em yêu thích cần có sự hồn nhiên, tươi mát, dí dỏm, không nên biến bài thơ thành bài học giáo dục đạo đức khô cứng, sống sượng. Mọi sự sáng tạo về nhạc điệu, hình ảnh, ngôn ngữ phải bắt nguồn từ chính đời sống và tâm lí của các em. Nhà thơ phải nhìn trẻ em như một chủ thể bình đẳng, không nên gò ép mà cần kích thích trí tưởng tượng của trẻ phát triển tự nhiên. Vấn đề đặt ra là, để đáp ứng nhu cầu của thế hệ thiếu nhi trong thời đại vi tính hôm nay, các tác giả phải tiếp tục đào sâu thêm những mảng đề tài mới, tìm thêm những hình thức biểu đạt mới trên nền mĩ cảm truyền thống của cha ông.

5. Đề tài của chúng tôi đi sâu nghiên cứu những biểu hiện cụ thể của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay song do điều kiện còn hạn chế nên chúng tôi mới chỉ khảo sát được bộ phận đồng dao người Việt và đi sâu vào một số tác giả - tác phẩm thơ thiếu nhi tiêu biểu, trong đó có nhữngtác giả đã quen thuộc, ổn định về mặt phong cách nên có thể độ bao quát chưa phủ rộng được hết. Các vấn đề thuộc về tư duy đồng dao có thể còn những phương diện chúng tôi chưa khai thác được triệt để. Hi vọng rằng vấn đề nghiên cứu này còn có điều kiện nâng cao, bổ sung, hoàn thiện để có cái nhìn sâu sắc, thấu đáo hơn về tư duy đồng dao cũng như dấu ấn của nó với thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Minh, *Thế giới trẻ thơ trong tập thơ "Bài ca trái đất" của Định Hải*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 19/ 2012.

2. Trần Thị Minh, *Hình thức chơi mà học, học mà chơi trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại (Qua cái nhìn đối sánh với bộ phận đồng dao gắn với trò chơi)*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32/ 2014.

3. Trần Thị Minh, *Các mô thức đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 6 (103) - 2016.

4. Trần Thị Minh, *Thể vãn hai, vãn ba từ đồng dao đến thơ thiếu nhi*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 384, tháng 6/ 2016.

5. Trần Thị Minh, *Thể thơ bốn chữ từ đồng dao đến thơ thiếu nhi Việt Nam hiệnđại*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số tháng 09 (40)/ 2016.

6. Trần Thị Minh, *Kết cấu đối đáp trong thơ viết cho thiếu nhi*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 388, tháng 10/ 2016.